

Bản án số: 88/2018/DS-ST

Ngày: 29/11/2018

V/v “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BA TRI, TỈNH BẾN TRE**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Rên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Hồng Sáng

2. Bà Huỳnh Thị Bích Vân

- Thư ký phiên tòa: bà Phan Thị Kim Loan – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: bà Dương Thy Trúc Phương – Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 11 năm 2018 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ba Tri xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 136/2018/TLST-DS ngày 13 tháng 8 năm 2018 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 108/2018/QĐST - DS ngày 30 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 59/2018/QĐST-DS ngày 14/11/2018 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP K

Địa chỉ: số 40- 42- 44 A, Phường B, Thành phố C, tỉnh Kiên Giang;

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A – Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: ông Võ Duy B – Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Bến Tre.

Địa chỉ: số 517 D, phường E, thành phố F, tỉnh Bến Tre.

Ông Võ Duy Bảo ủy quyền cho ông Nguyễn Văn H1, sinh năm 1979; Giám đốc Ngân hàng TMCP K – Chi nhánh Bến Tre – Phòng giao dịch huyện I (Có mặt).

Địa chỉ: Khu phố G, thị trấn H, huyện I, tỉnh Bến Tre.

- Bị đơn: 1/ Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

2/ Nguyễn Văn H, sinh năm 1972 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: ấp L, xã N, huyện I, tỉnh Bến Tre.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 26 tháng 4 năm 2018, trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa sơ thẩm ông Nguyễn Văn H1 – đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Ngày 26/12/2012, Ngân hàng thương mại cổ phần K (Ngân hàng TMCP K) - Phòng giao dịch huyện I có cho bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H vay số tiền 70.000.000 đồng tại Hợp đồng số TD8828/HĐTD ngày 26/12/2012 với những nội dung cụ thể:

Số tiền vay: 70.000.000 đồng; Mục đích vay: chế biến và mua bán thủy sản khô; Giải ngân ngày: 26/12/2012; Thời hạn vay: 13 tháng; Ngày đến hạn: 26/01/2014; Lãi suất trong hạn: 1,55% /tháng; Lãi suất quá hạn: bằng 150% lãi suất cho vay ngay trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn; Hình thức thanh toán: Lãi tiền vay trả hàng tháng, vốn gốc trả cuối kỳ.

Để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ vay của bị đơn phía bà N, ông H có ký kết hợp đồng thế chấp số TD 8828/HĐTC ngày 26/12/2012. Tài sản thế chấp bao gồm: Quyền sử dụng đất theo giấy chứng nhận số AI479231 do UBND huyện I, tỉnh Bến Tre cấp ngày 15/6/2007 với các đặc điểm cụ thể như sau: diện tích 119,1 m², thuộc thửa số 852, tờ bản số 21, loại đất: ONT, tọa lạc tại xã N, huyện I, tỉnh Bến Tre. Hợp đồng thế chấp số TD 8828/HĐTC ngày 26/12/2012 được chứng thực ngày 26/12/2012 tại UBND xã N và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 26/12/2012 tại Văn phòng đăng ký Quyền sử dụng đất huyện I, tỉnh Bến Tre.

Sau khi vay tiền phía bà N, ông H thanh toán được cho Ngân hàng các khoản tiền cụ thể như sau:

- Tiền lãi trong hạn theo thỏa thuận hợp đồng từ ngày vay tiền đến ngày 25/01/2014 với số tiền là 14.167.029 đồng;

- Tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận hợp đồng từ ngày 26/01/2014 đến ngày 14/12/2014 với số tiền là 16.719.695 đồng và 16.000.000 đồng tiền gốc;

- Tiền lãi quá hạn theo thỏa thuận hợp đồng từ ngày 15/12/2014 đến ngày 17/10/2016 với số tiền là 25.697.025 đồng. Từ đó đến nay vợ chồng bà N, ông H không thanh toán thêm cho Ngân hàng thêm số tiền nào. Phía Ngân hàng nhiều lần phát thông báo yêu cầu bà N, ông H đến tất toán số tiền nợ còn thiếu Ngân hàng theo thỏa thuận hợp đồng nhưng phía bà N, ông H cứ né tránh. Đến ngày 26/6/2018 thì phía bà N cam kết tất toán nợ cho Ngân hàng vào ngày 03/7/2018 theo thỏa thuận hợp đồng số TD 8828/HĐTD ngày 26/12/2012 nhưng đến nay vẫn không

thực hiện.

Vì vậy, Ngân hàng TMCP K yêu cầu bà N, ông H thanh toán cho Ngân hàng TMCP K tiền vay gốc (54.000.000 đồng) và lãi quá hạn theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng số TD8828/HĐTD ngày 26/12/2012 từ ngày 18/10/2016 đến ngày 29/11/2018 là 31.828.275 đồng.

Trường hợp bà N, ông H không thanh toán hoặc thanh toán không dứt nợ thì phía Ngân hàng được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự kê biên bán đấu giá tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số TD 8828/HĐTC ngày 26/12/2012 để thu hồi nợ.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn phía bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H nhưng bà N, ông H không làm bản tự khai, không tham gia các phiên làm việc theo giấy triệu tập của tòa. Đồng thời tại phiên tòa, bà N, ông H vẫn vắng mặt không lý do.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án, xét thấy trong quá trình tố tụng cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán đã tuân thủ và tiến hành đầy đủ trình tự, thủ tục tố tụng theo Điều 41 Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn thực hiện đúng các quyền, nghĩa vụ theo quy định tại các điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự và chấp hành nghiêm nội quy phiên tòa theo Điều 209 Bộ luật tố tụng dân sự, bị đơn Nguyễn Thị N, Nguyễn Văn H vắng mặt tại tòa là chưa tuân thủ quy định tại các Điều 70, 71 Bộ Luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, nhận thấy thành viên Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư, khách quan, độc lập khi xét xử.

Về nội dung: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri cho rằng Hợp đồng tín dụng số TD8828/HĐTD ngày 26/12/2012 và hợp đồng thế chấp số TD 8828/HĐTC ngày 26/12/2012 được Ngân hàng TMCP K và phía bị đơn bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đúng trình tự, thủ tục luật định, không trái với đạo đức xã hội nên có hiệu lực thi hành đối với các bên. Sau khi vay tiền bà N, ông H chưa thực hiện đúng cam kết về việc thanh toán nợ theo thỏa thuận hợp đồng. Từ đó đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của phía Ngân hàng TMCP K.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được

thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn Ngân hàng TMCP K khởi kiện bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H yêu cầu thanh toán tiền vay còn nợ, các đương sự có nơi cư trú tại địa bàn huyện I. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Quan hệ pháp luật được xác định trong vụ án là “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự. Do giao dịch được xác lập trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 chưa thực hiện xong nay mới tranh chấp về nghĩa vụ thanh toán nên áp dụng quy định Bộ luật dân sự năm 2005 để giải quyết .

[3] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho bị đơn bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H. Nhưng tại phiên tòa, bà N, ông H vắng mặt không lý do. Do đó, việc đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bà N, ông H là phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[4] Về nội dung vụ án:

Hợp đồng tín dụng số TD 8828/HĐTD ngày 26/12/2012 và hợp đồng thế chấp số TD 8828/HĐTC ngày 26/12/2012 được Ngân hàng TMCP K và phía bị đơn bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H ký kết trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không có sự lừa dối, ép buộc; Hợp đồng thế chấp có chứng thực và đăng ký giao dịch bảo đảm theo trình tự, thủ tục luật định, không trái với đạo đức xã hội nên có hiệu lực thi hành đối với các bên.

Mặt dù theo xác minh tại Công an xã N thì bà N, ông H từ năm 2014 đến nay vợ chồng bà N ông H đã không sinh sống tại xã N, việc vợ chồng bà N, ông H chuyển đến địa chỉ nào sinh sống cũng như việc trong năm 2018 bà N, ông H có về địa phương để thỏa thuận hoặc thực hiện giao dịch gì với Ngân hàng TMCP K hay không thì địa phương không rõ nhưng hiện nay bà N, ông H vẫn không có mặt tại địa phương. Xét việc bà N, ông H vắng mặt tại địa phương trong khi chưa thanh toán dứt nợ với Ngân hàng trên cơ sở hợp đồng tín dụng số TD8828/HĐTD ngày 26/12/2012 là vi phạm quyền và lợi ích hợp pháp của phía ngân hàng. Phía bị đơn bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H hoàn toàn biết được cũng như có nghĩa vụ

phải biết trách nhiệm thanh toán tiền nợ cho ngân hàng theo thỏa thuận hợp đồng nhưng cố tình tránh né.

Do đó, xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K yêu cầu bị đơn bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H thanh toán số tiền vay gốc 54.000.000 đồng và tiền lãi theo thỏa thuận hợp đồng tín dụng số TD8828/HĐTD ngày 26/12/2012 tính từ ngày 18/10/2016 đến ngày tòa xét xử hôm nay 29/11/2018 là 31.828275 đồng là có căn cứ, phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và các điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005 Các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình nên được HĐXX chấp nhận.

Ngân hàng yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 30/11/2018 đến khi trả hết nợ gốc theo mức lãi suất quá hạn đã quy định tại hợp đồng tín dụng số TD8828/HĐTD ngày 26/12/2012 cho đến khi trả hết nợ gốc. Yêu cầu này phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà các bên đã ký kết tại Điều 2, Điều 6 cũng như theo quy định tại Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét yêu cầu của Ngân hàng TMCP K về việc Ngân hàng TMCP K có quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án kê biên, bán đấu giá tài sản thế chấp tại hợp đồng thế chấp số TD 8828/HĐTC ngày 26/12/2012 để bảo đảm thu hồi các khoản nợ trong trường hợp bà N, ông H không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ các khoản tiền mà bà N, ông H có nghĩa vụ phải thanh toán cho Ngân hàng là phù hợp với thỏa thuận Hợp đồng thế chấp và quy định tại khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4]. Quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ba Tri về việc nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5% trong vụ kiện là 4.291.413 đồng. Do yêu cầu của nguyên đơn Ngân hàng TMCP K được chấp nhận nên bị đơn bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ nộp theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng các Điều 26, 35, 36, 39, 92, 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Các Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Các Điều 471, 474, 476 Bộ luật dân sự năm 2005; Các Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần K. Buộc bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H có nghĩa vụ liên đới thanh toán cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K (Phòng giao dịch huyện I đại diện nhận) số tiền nợ tính đến hết ngày 29/11/2018 là 85.828.275 đồng (Tám mươi lăm triệu, tám trăm hai mươi tám ngàn, hai trăm bảy mươi lăm đồng).

Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H còn phải tiếp tục liên đới trả tiền lãi phát sinh trên số nợ gốc kể từ ngày 30/11/2018 cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K với mức lãi suất quá hạn theo hợp đồng tín dụng số TD8828/HĐTD ngày 26/12/2012 mà đôi bên đã ký kết cho đến khi thi hành xong.

2. Khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H không thực hiện nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K, thì Ngân hàng TMCP K (Phòng giao dịch huyện I đại diện) có quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số TD 8828/HĐTC ngày 26/12/2012 để thu hồi nợ.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn H phải liên đới nộp số tiền án phí là 4.291.413 đồng (Bốn triệu, hai trăm chín mươi một ngàn, bốn trăm mười ba đồng);

Hoàn trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần K số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.153.000 đồng (Hai triệu một trăm năm mươi ba ngàn đồng) theo biên lai thu số 0017855 ngày 09 tháng 8 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ba Tri, tỉnh Bến Tre.

Trường hợp bản án được thi hành theo Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi

hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND huyện Ba Tri;
- THADS huyện Ba Tri;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Rên